

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2017

V/v tranh chấp ly hôn

N DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Lợi.

Các Hội thẩm N dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng;

2. Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Dương - Thư ký Tòa án N dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Phú Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn N gia đình thụ lý số: 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 5, tổ X, ấp Y, xã Z, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 5, tổ X, ấp Y, xã Z, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Ngọc B trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông Nguyễn Văn T có tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới và được cha mẹ hai bên đồng ý, ngày 16/3/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Z, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, nguyên N dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông T không quan tâm tới gia đình. Hiện nay bà B và ông T đã sống ly thân. Nay, bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn N không đạt được, bà B yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà B và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 08/4/2006 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 15/4/2014. Khi

ly hôn bà B yêu cầu được nuôi con Nguyễn Thành N, đối với con Nguyễn Tuấn K đã trên 07 tuổi nếu có nguyện vọng ở với bà B thì bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên bị đơn ông T vắng mặt không có lý do theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, ông T cũng không cung cấp chứng cứ nào liên quan đến vụ án cho Tòa án, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã áp dụng đầy đủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà B yêu cầu được ly hôn với ông T, xét mâu thuẫn giữa bà B và ông T không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, về con chung xét cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 08/4/2006 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bà B và cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 15/4/2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không có yêu cầu nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà B yêu cầu ly hôn với ông T, hiện nay bà B và ông T có hộ khẩu thường trú tại xã Z, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của ông Nguyễn Văn T; trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên ông T vắng mặt không có lý do và không cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, bà B và ông T có tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới và được cha mẹ hai bên đồng ý, ngày 16/3/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Z, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông T không quan tâm chăm lo cho gia đình. Ngày 26/4/2017, Tòa án tiến hành xác minh tại ấp 7, xã Z thấy rằng, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T không báo nên chính quyền

địa phương không biết, về vấn đề con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy, do ông T vắng mặt không cung cấp chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình, Hội đồng xét xử căn cứ trên các chứng cứ bà B giao nộp cho Tòa án, xét việc bà B yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn N và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà B và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 08/4/2006 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 15/4/2014. Bà B có nguyện vọng được nuôi 02 con. Tại bản tự khai ngày 10/4/2017, cháu Nguyễn Tuấn K có ý kiến nếu bà B và ông T ly hôn thì cháu K có nguyện vọng xin được ở với bà B. Xét nguyện vọng của cháu K và yêu cầu của bà B, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà B, giao con Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Thành N cho bà B nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí hôn N gia đình sơ thẩm: Bà Trần Ngọc B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc B về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc B được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 08/4/2006 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 15/4/2014 cho bà Trần Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Ngọc B đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Ngọc B phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo theo biên lai thu số 0007729 ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã Z, huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Võ Tiến Lợi

